

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 02/03/2021

V/v tranh chấp: “Hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Văn Nhu**

2. Ông **Quách Trung Sơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Võ Liên Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 300/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2020/QĐXXST-DS ngày 07/12/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm: 1996.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1969 (Văn bản ủy quyền đề ngày 21/10/2020).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị P**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H có mặt; Bà P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2020 của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Mỹ D** và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền bà **Nguyễn Thị Thu H** trình bày: Chị D là tay em có tham gia chơi hụi do bà **Phạm Thị P** làm đầu thảo, cụ thể:

+ Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 20/4/2018 âm lịch: Hụi 01 tháng khai một lần, có 25 phần. Chị D tham gia 01 phần, đã đóng hụi sống được 17 kỳ số tiền vốn đóng là 25.500.000 đồng.

+ Dây hụi 500.000 đồng khai ngày 20/4/2019 âm lịch: Hụi 01 tháng khai một lần, có 23 phần. Chị D tham gia 03 phần, đã đóng hụi sống được 05 kỳ số tiền vốn đóng là 5.250.000 đồng.

Đến ngày 28/9/2019 thì bà P tự ý ngưng hụi và tuyên bố đình hụi.

Nay chị D yêu cầu bà P trả cho chị số tiền vốn hụi đã đóng tổng cộng là 30.750.000 đồng.

- Bị đơn bà Phạm Thị P không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc chị D khởi kiện.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn có tham gia góp hụi do bị đơn làm đầu thảo 02 dây hụi: 1/ Dây hụi 500.000 đồng, đã đóng được 5.250.000 đồng tiền vốn; 2/ Dây hụi 2.000.000 đồng đã đóng được 25.500.000 đồng tiền vốn. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là danh sách hụi ghi tên “Giêng”, trong danh sách hụi 500.000 đồng ở số thứ tự 5, 6, 7 và trong danh sách hụi 2.000.000 đồng ở số thứ tự 11 là phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Phía bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như thừa nhận số tiền nợ hụi trên. Đồng thời phân tích nhiều lý lẽ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị P trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 30.750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị D kiện bà P tranh chấp về chơi hụi, đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị D kiện bà P yêu cầu trả số tiền nợ hụi, nên xác định đây là tranh chấp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Bà Phạm Thị P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị D khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

- Về việc ủy quyền của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H (Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trung chứng thực ngày 21/10/2020). Xét việc ủy quyền của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên bà H là người đại diện theo ủy quyền của chị D.

[2]. Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Mỹ D là tay em có tham gia chơi hội do bà Phạm Thị P làm đầu thảo. Chị D tham gia 02 dây hội, cụ thể:

+ Dây hội thứ nhất khai ngày 20/4/2018 âm lịch: Hội 01 tháng khai một lần, có 25 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng. Chị D tham gia 01 phần, đã đóng hội sống được 17 kỳ số tiền vốn đóng là 25.500.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai khai ngày 20/4/2019 âm lịch: Hội 01 tháng khai một lần, có 23 phần, mỗi phần 500.000 đồng. Chị D tham gia 03 phần, đã đóng hội sống được 05 kỳ số tiền vốn đóng là 5.250.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn đóng 02 dây hội là 30.750.000 đồng. Cả hai dây hội, chị D vẫn chưa hốt. Đến ngày 28/9/2019 thì bà P tự ý ngưng hội và tuyên bố đình hội.

Xét thấy, qua việc xác minh các tay em tham gia chơi hội chung đều xác nhận bà P là đầu thảo có tổ chức nhiều dây hội. Chị D có tham gia chơi chung các dây hội khai ngày 20/4/2018 âm lịch và dây hội khai ngày 20/4/2019 âm lịch do bà P làm đầu thảo. Do vậy, có căn cứ xác định giao dịch chơi hội giữa chị D và bà P thực tế đã phát sinh theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy, bà P là đầu thảo hội có hưởng hoa hồng từ việc làm đầu thảo. Việc bà P tự ý ngưng hội và không trả tiền hội cho các tay em chưa hốt hội là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Bà P đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và xét xử việc chị D khởi kiện nhưng bà P vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời, không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc chị D kiện, xem như bà P đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình.

Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 280 và Điều 471 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Buộc bà Phạm Thị P trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 30.750.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 471, Điều 280 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

- Buộc bà Phạm Thị P trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 30.750.000 (Ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà P chịu 1.537.500 đồng.

- Hoàn lại cho chị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 768.750 đồng theo biên lai thu số 0004028 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Bà P được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN